

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	382118	Nguyễn Thị	Châm	3821	18		8.32		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
2	382134	Nguyễn Hương	Ly	3821	18		8.32		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
3	382137	Lê Thu	Hà	3821	18		8.51		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
4	382148	Phạm Sơn	Tùng	3821	18		8.48		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
5	382151	Nguyễn Minh	Tú	3821	18		8.68		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
6	382153	Nguyễn Thu	Trang	3821	18		8.47		83	2 000 000		2 000 000	Giỏi
7	382155	Bùi Thị Cẩm	Vân	3821	18		8.58		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
8	382156	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	3821	18		8.93		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	382158	Nguyễn Hà	Anh	3821	18		8.32		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
10	382201	Trịnh Thị	Quyên	3822	18		8.77		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
11	382204	Nguyễn Như	Phương	3822	18		8.50		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
12	382205	Lê Thị Mai	Lâm	3822	18		8.72		82	2 000 000		2 000 000	Giỏi
13	382213	Phan Thị Thuỳ	Dung	3822	18		8.34		70	1 750 000		1 750 000	Khá
14	382214	Hoàng Thị	Thúy	3822	18		8.34		67	1 750 000		1 750 000	Khá
15	382225	Đỗ Thị Thuý	Hạnh	3822	18		8.31		70	1 750 000		1 750 000	Khá
16	382228	Lê Bích	Ngọc	3822	18		8.78		84	2 000 000		2 000 000	Giỏi
17	382232	Nguyễn Hoàng Tuấn	Linh	3822	18		8.32		80	2 000 000		2 000 000	Giỏi
18	382234	Đào Bá	Minh	3822	18		8.31		68	1 750 000		1 750 000	Khá
19	382238	Trần Hương	Giang	3822	18		8.67		94	2 000 000		2 000 000	Giỏi
20	382244	Ngô Lê Mỹ	Linh	3822	18		8.57		90	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	392902	Trịnh Thị Thu	Hà	3929	17		7.50		75	1 750 000		1 750 000	Khá
22	392907	Đặng Tiểu	Ngọc	3929	17		8.14		86	2 000 000		2 000 000	Giỏi
23	392910	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	3929	17		7.62		78	1 750 000		1 750 000	Khá
24	392924	Nguyễn Minh	Trang	3929	17		7.91		94	1 750 000		1 750 000	Khá
25	392929	Nguyễn Thị Diệu	Linh	3929	17		8.00		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
26	392934	Nguyễn Thu	Giang	3929	17		7.77		83	1 750 000		1 750 000	Khá
27	392945	Trịnh Thị Vân	Anh	3929	17		7.71		85	1 750 000		1 750 000	Khá
28	392946	Ngô Thị Lan	Anh	3929	17		7.69		81	1 750 000		1 750 000	Khá
29	393006	Nguyễn Hoàng Lê	Trình	3930	17		7.56		70	1 750 000		1 750 000	Khá
30	393008	Lê Thị Hồng	Hạnh	3930	17		7.70		73	1 750 000		1 750 000	Khá
31	393016	Trần Thị Thu	Phương	3930	17		8.04		75	1 750 000		1 750 000	Khá
32	393017	Lê ánh	Tuyết	3930	17		7.58		73	1 750 000		1 750 000	Khá
33	393032	Lê Thanh	Thủy	3930	17		7.75		72	1 750 000		1 750 000	Khá
34	403701	Đào Minh	Hiếu	4037	19		7.99		81	1 750 000		1 750 000	Khá
35	403702	Đinh Hương	Giang	4037	19		7.41		79	1 750 000		1 750 000	Khá
36	403705	Lê Thị Quỳnh	Hoa	4037	19		7.67		77	1 750 000		1 750 000	Khá
37	403709	Nguyễn Minh	Nguyệt	4037	19		7.95		81	1 750 000		1 750 000	Khá
38	403710	Đinh Thị	Tâm	4037	19		7.48		79	1 750 000		1 750 000	Khá
39	403719	Vũ Minh	Anh	4037	19		7.84		85	1 750 000		1 750 000	Khá
40	403732	Nguyễn Thị	Trang	4037	19		7.98		81	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	403735	Lại Thu	Thủy	4037	19		7.90		81	1 750 000		1 750 000	Khá
42	403736	Vũ Thị Nguyệt	Hà	4037	19		7.88		81	1 750 000		1 750 000	Khá
43	403738	Lê Thị Hà	My	4037	19		7.68		78	1 750 000		1 750 000	Khá
44	403739	Trần Thị Thùy	Linh	4037	19		7.58		82	1 750 000		1 750 000	Khá
45	403765	Bùi Thế	Cảnh	4037	19		7.42		78	1 750 000		1 750 000	Khá
46	403767	Diệp Thùy	Linh	4037	19		8.11		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
47	403805	Phạm Thị Thùy	Trang	4038	19		8.08		81	2 000 000		2 000 000	Giỏi
48	403807	Nguyễn Hồng	Phượng	4038	19		7.72		80	1 750 000		1 750 000	Khá
49	403808	Lưu Thanh	Thủy	4038	19		7.84		85	1 750 000		1 750 000	Khá
50	403809	Đoàn Thị Hồng	Chinh	4038	19		7.51		75	1 750 000		1 750 000	Khá
51	403812	Nguyễn Thúy	Hạnh	4038	19		7.85		91	1 750 000		1 750 000	Khá
52	403815	Dương Việt	Trình	4038	19		7.99		85	1 750 000		1 750 000	Khá
53	403816	Nguyễn Thị	Hạnh	4038	19		7.48		78	1 750 000		1 750 000	Khá
54	403818	Cấn Thị Thu	Trang	4038	19		7.66		82	1 750 000		1 750 000	Khá
55	403821	Nguyễn Thu	Thảo	4038	19		7.41		77	1 750 000		1 750 000	Khá
56	403830	Trương Thị Thu	Loan	4038	19		7.49		84	1 750 000		1 750 000	Khá
57	403838	Đỗ Minh	Thư	4038	19		7.43		84	1 750 000		1 750 000	Khá
58	403840	Hà Thị Nhật	Lệ	4038	19		7.55		86	1 750 000		1 750 000	Khá
59	403841	Lê Tú	Anh	4038	19		8.19		85	2 000 000		2 000 000	Giỏi
60	403843	Phạm Trần Phương	Thảo	4038	19		7.64		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
61	403845	Tạ Hoàng	Hà	4038	19		7.51		89	1 750 000		1 750 000	Khá
62	403849	Vũ Thu	Hiền	4038	19		7.41		80	1 750 000		1 750 000	Khá
63	403856	Trần Thị Hải	Yến	4038	19		7.42		86	1 750 000		1 750 000	Khá
64	403859	Trần Huyền	Trang	4038	19		7.69		83	1 750 000		1 750 000	Khá
65	403862	Thẩm Trung	Hiếu	4038	19		7.72		81	1 750 000		1 750 000	Khá
66	403864	Phan Hoàng	Nam	4038	19		7.82		89	1 750 000		1 750 000	Khá
67	403865	Phan Thị Nguyên	Anh	4038	19		7.42		77	1 750 000		1 750 000	Khá
		Tổng								122 500 000		122 500 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG